

TƯ TƯỞNG CẬN ĐẠI HÓA CỦA TÔN TRUNG SƠN QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN

ĐÀO DUY ĐẠT*

Cận đại hóa là một tiến trình lịch sử phổ biến. Kể từ sau khi chủ nghĩa tư bản (CNTB) ra đời, thế giới cận đại dần dần hình thành thị trường chung với một kết cấu quan hệ quốc tế tương ứng. Hệ quả là xu thế nhất thể hóa cũng bắt đầu xuất hiện trong quá trình phát triển của đa số các quốc gia trên thế giới. Trải qua hai cuộc chiến tranh thuộc phiện, Trung Quốc từ một quốc gia phong kiến độc lập có chủ quyền trở thành một quốc gia nửa thuộc địa nửa phong kiến, bị các thế lực tư bản chủ nghĩa (TBCN) phương Tây cưỡng bức vào hệ thống thị trường thế giới. Không thể đi ngược xu thế thời đại, với phong trào Dương Vụ, Trung Quốc buộc phải bắt đầu tiến trình cận đại hóa đất nước trong hoàn cảnh bị động và phụ thuộc. Đương thời, hiểu biết của người Trung Quốc đối với Tây học và văn minh cận đại còn ở giai đoạn trực quan, cảm tính, tản mạn; nhận thức của những nhà lý luận Dương Vụ đối với nội dung cận đại hóa cũng không hoàn chỉnh và thiếu chính xác, nên phong trào Dương Vụ trước sau cũng chỉ dừng lại trong phạm vi hạn hẹp của lĩnh vực "hỏa khí", "kỹ nghệ" mà không hề tiến hành cuộc cải cách toàn diện. Thất bại trong cuộc

chiến tranh Trung - Nhật năm Giáp Ngọ (1894) khiến nhiều người Trung Quốc bừng tỉnh giấc mộng "tự cường" qua phong trào Dương Vụ. Tiến trình cận đại hóa Trung Quốc tiến tới giai đoạn mô phỏng phương Tây, cải cách chính trị. Trong bước ngoặt lịch sử này, Tôn Trung Sơn đã xuất hiện, đáp ứng nhu cầu của thời đại, bước những bước đầu tiên trên con đường cách mạng, khác hẳn với con đường biến pháp duy tân do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đề xướng. Vốn là người có năng lực phi thường, từng trải, lại có kiến thức Tây học sâu rộng, Tôn Trung Sơn đã nhanh chóng trở thành đại biểu vĩ đại nhất học tập phương Tây, thúc đẩy tiến trình cận đại hóa Trung Quốc.

Vượt lên phái Duy Tân, bằng quan điểm lịch sử tiến hóa luận, Tôn Trung Sơn chia lịch trình phát triển của xã hội loài người thành bốn thời kỳ: Hồng hoang, Thần quyền, Quân quyền và Dân quyền. Để đến thời đại Dân quyền, Tôn Trung Sơn cho rằng tất phải dùng biện pháp cách mạng mới có thể thực hiện được. Bởi, từ Thần quyền tới Quân quyền rồi đến Dân quyền là một "trào lưu thế giới", giống như dòng chảy Trường Giang,

* Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

Hoàng Hà, nên "Vô luận thế nào cũng không ngăn cản được"⁽¹⁾.

Xuất phát từ tầm cao chiến lược cận đại hóa Trung Quốc để phê phán chủ nghĩa chuyên chế phong kiến, do vậy, phạm vi phê phán được Tôn Trung Sơn đề cập tới rất rộng, nội dung khá phong phú. Khái quát lại, có mấy nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất là, phê phán chế độ chuyên chế phong kiến, đề xướng "cách mạng chính trị", xây dựng nhà nước theo chế độ dân chủ cộng hòa. Đó là tiền đề thực hiện cận đại hóa. Cụ thể:

Trước hết, Tôn Trung Sơn phê phán cá nhân quân chủ.

Trong xã hội phong kiến lâu dài, quân chủ là đại diện tối cao của thể chế chuyên chế phong kiến. "Hoàng đế cao vòi vọi, có thể làm bất cứ điều gì ông ta muốn"⁽²⁾. Trung Quốc hơn 2000 năm qua đều do quân chủ thống trị, quan hệ giữa hoàng đế và nhân dân luôn luôn là quan hệ chủ nô, "chỉ có một hoàng đế là chủ nhân, còn nhân dân đều là nô lệ, là tài sản riêng của một hoàng đế"⁽³⁾. Nhân dân hoàn toàn bị loại ra khỏi đời sống chính trị quốc gia, bị tước đoạt mọi quyền tham dự quản lý đất nước. Ý chí của hoàng đế là pháp luật, nhân dân "chỉ một mục tuân thủ mà thôi". Dưới uy lực ghê gớm của hoàng đế, quyền lợi và nghĩa vụ của người dân hoàn toàn tách khỏi nhau, nhân dân không có quyền lợi chính trị, chỉ có nghĩa vụ giao nộp thuế má. Ngay nói về bản thân hoàng đế thì quyền lợi với năng lực của ông ta hoàn toàn không tương xứng với nhau. Đại đa số hoàng đế có quyền lực mà lại bất tài vô đạo, nhân dân bất mãn với hoàng đế ngày một tăng. Để ngăn chặn sự phản

kháng của nhân dân, quân chủ bèn lừa dối dân, "luôn luôn ngụy tạo ý trời, nói rằng địa vị đặc thù của họ là do trời trao, dân phản đối họ là chống lại trời"⁽⁴⁾. Tôn Trung Sơn đã bóc trần luận điệu hoang đường "thiên tử thụ mệnh trời", và chỉ ra "thiên hạ là thiên hạ của người trong thiên hạ", "một hai người không thể độc chiếm"⁽⁵⁾. Vô cùng căm phẫn hoàng đế qua các triều đại "chỉ chăm lo đến quyền thế tập ngôi báu, mà chẳng quan tâm gì đến việc dân", Tôn Trung Sơn khẳng định: "Trừ phi người ta lật đổ nó đi thì mới không còn thế tập, nếu không bị người ta lật đổ thì đời đời vẫn còn thế tập"⁽⁶⁾. Ông kêu gọi nhân dân đứng lên, dùng vũ lực lật nhào loại quân chủ thế tập đã thống trị Trung Quốc trong trường kỳ lịch sử.

Tiếp đến là phê phán tư tưởng đế vương.

Từ việc tổng kết những bài học lịch sử, Tôn Trung Sơn ra sức trình bày sự nguy hại của tư tưởng đế vương, tha thiết khuyên răn mọi người tuyệt đối không thể để cho tư tưởng đế vương tồn tại. Ông nói: "Từ xưa tới nay, người Trung Quốc chúng ta "chỉ biết rằng lập chí thì phải học, trúng cử, đậu trạng nguyên, làm tể tướng và còn muốn làm cả hoàng đế"⁽⁷⁾. Loại tư tưởng này đời đời nối nhau, đến triều Nguyên, Chu Nguyên Chương "lật nhào chính phủ dị tộc triều Nguyên, cướp chính quyền về tay mình, đổi quốc hiệu thành triều Minh, lại lên ngôi hoàng đế, chính thể vẫn chuyên chế, chính quyền của thiên hạ lại cha truyền cho con, con truyền cho cháu, người trong một nhà đời đời truyền cho nhau, đúng như cổ nhân nói, thiên hạ là của một nhà"⁽⁸⁾. Theo Tôn Trung

Sơn: "Đã là người cách mạng, nếu có chút ít tư tưởng hoàng đế thì sẽ dẫn đến mất nước. Vì Trung Quốc xưa nay coi quốc gia là tài sản của cá nhân quân chủ, cho nên phàm là những cuộc quật khởi của những anh hùng mông muội nhất định sẽ dẫn đến tranh đoạt lẫn nhau, tranh giành không được thì đành phải mỗi người chiếm cứ một phương và không bình định được nhau. Đất nước do đó sẽ phân liệt tới một hai trăm năm mà vẫn chưa định xong thế cuộc"⁽⁹⁾. Do vậy, "tư tưởng làm hoàng đế trước đây là vết tích xưa cũ của quá khứ, phải được trừ bỏ tận gốc".

Cuối cùng là, phê phán nền chính trị quan liêu, hủ bại.

Xã hội phong kiến Trung Quốc đã hình thành một chỉnh thể cơ cấu quan liêu đồ sộ. Đến đời Thanh, hệ thống quan liêu này ngày càng bành trướng, quan hàm càng cao, đặc quyền càng lớn, bọn quan lại lớn bé chỉ biết tranh quyền cố vị, dẫn đến việc tham nhũng, bẻ cong pháp luật, coi mạng người như cỏ rác, "trong các phủ quan địa phương, nơi nào cũng thấy". "Thói tham lam, hạch sách đã thành nếp, có tiền là làm quan, việc gì hối lộ cũng xong"⁽¹⁰⁾. Vì quan hàm mua bằng tiền cho nên chính quyền nhà Thanh không thể đòi các pháp quan làm việc theo pháp luật, mà "để mặc cho pháp quan làm bậy, chẳng mấy may hạn chế". Hậu quả là những kẻ tàn ác có trọng tội nhỡ như ngoài vòng pháp luật, nhưng lại làm cho người dân lương thiện vô tội khó thoát khỏi cơn đen vận rủi. Về việc này, Tôn Trung Sơn đã thẳng thắn vạch trần: "Bên trong thì từ triều đình cho đến hoạn quan, bên ngoài thì từ đốc

phủ cho đến thư lại đều cho nhận của đút lót là tài lộc để làm những việc hại dân"⁽¹¹⁾. Trong xã hội cuối triều Thanh, có thể nói không quan nào không tham, không nơi nào không tham, không lúc nào không tham. Trong dinh Tổng đốc thời ấy cũng có việc thông đồng nhau mua bán khoa cử, tiền phí tổn được ấn định là ba ngàn lạng một người. Những nhân sĩ muốn làm quan cũng vui lòng hối lộ hợp pháp, "kẻ sĩ coi khoa bảng là vinh quang, họ tên được yết bảng, tức là có hy vọng lọt vào hàng ngũ quan trường; thế là nộp tiền hối lộ hợp pháp, rồi ra nhậm chức"⁽¹²⁾. Khi vừa nhậm chức, họ bèn ra sức sử dụng chức quyền của mình, tranh thủ thời gian bòn rút xương máu dân. Khi phân tích nguyên nhân quan lại tham ô, Tôn Trung Sơn đã chỉ rõ: chủ yếu là vì bọn người này muốn thỏa mãn cuộc sống xa hoa vô bờ bến, đồng thời để đạt được mục

đích duy trì địa vị vốn có của mình, rồi tiến thêm một bước mưu đoạt chức quan cao hơn. "Đã làm một nhân viên công vụ, vô luận là chức vụ cao thấp thế nào, họ đều cho rằng tham ô là không có thuốc cứu chữa, và cho rằng từ bỏ tham ô chính là từ bỏ cuộc sống của nhân viên công vụ"⁽¹³⁾. Chính do quan lại tham ô hối lộ, mưu lợi riêng mà coi nhẹ quản lý, lười nhác việc công, dẫn đến thủy lợi không tu sửa, thiên tai hoang hóa hết năm này đến năm khác, dịch bệnh lan tràn, đói rét triền miên "đạo tặc hoành hành", "dân không đường sống". Tôn Trung Sơn đã thẳng thừng coi bọn tham quan ô lại là "giặc của dân"; coi chính phủ của nền chính trị quan liêu hủ bại nhà Thanh như là phân là đất, là đống rác

nông nặc thối tha, "nó tồn tại càng lâu thì càng thối". Quét sạch đồng rác rưởi phân gio mà chính quyền nhà Thanh đã tích tụ là trách nhiệm của người trong đảng cách mạng.

Hoàng đế muốn gì làm nấy và tư tưởng đế vương đã lan tràn thành tai họa. Nền chính trị quan liêu hủ bại từ trên xuống dưới. Tất cả, xét đến cùng đều là sản phẩm của chế độ chuyên chế phong kiến. Bởi thế, muốn trừ bỏ căn bệnh xã hội như đã trình bày ở trên, thì nhất định phải tiêu diệt chế độ chuyên chế quân chủ phong kiến, kiến lập nước dân chủ cộng hòa tư sản. Tôn Trung Sơn coi đây là cuộc "cách mạng chính trị", và nhấn mạnh rằng việc hoàn thành cách mạng chính trị ở Trung Quốc là tiền đề để tiến hành sự nghiệp cận đại hóa.

Thứ hai là, phê phán chính sách bế quan tỏa cảng phong kiến, đề xướng "chủ nghĩa khai phóng", phát triển công thương nghiệp. Đó là hạt nhân của cận đại hóa.

Chính phủ Thanh thực hiện chính sách bế quan tỏa cảng, trực tiếp cản trở lịch trình cận đại hóa nền kinh tế. Về việc này, Tôn Trung Sơn cũng phê phán gay gắt. Ông đã bàn luận tường tận về nguyên nhân nảy sinh, biểu hiện, sự nguy hại và phương pháp giải quyết chính sách bế quan tỏa cảng. Theo Tôn Trung Sơn chính sách đóng cửa là sản phẩm của mâu thuẫn gay gắt giữa kẻ thống trị và nhân dân, là sự phản ánh tâm lý kiêu ngạo tự cao tự đại hão huyền trong truyền thống. Để duy trì chế độ quân chủ chuyên chế, chính phủ Thanh cực lực phản đối phương thức sản xuất tư bản du nhập từ phương Tây. Bởi thế,

việc giao lưu với nước ngoài bị thủ tiêu, mậu dịch xuất nhập khẩu cơ hồ lâm vào tình trạng đình đốn. Nguồn thu nhập tài chính quan trọng của triều đình nhà Thanh là thuế hải quan song không thu vào đâu được, bèn đặt trạm thuế quan trong nước để cưỡng ép, thu thuế nặng thương nhân nhằm bù đắp sự trống rỗng của quốc khố. Thuế má nhiều vô kể, "từ củi đước, gạo, muối cho tới đường, rượu... đều đánh thuế nặng, trên bộ thì có nhà thu, trên thủy thì có thuyền thu"⁽¹⁴⁾. Tôn Trung Sơn đã so sánh giữa triều Đường với triều Thanh trong lịch sử Trung Quốc để chứng minh rằng, nếu mở cửa thì có thể làm nước mạnh. Ông nói: "Triều Đường là thời đại cực thịnh, các nước như Ý Đại Lợi, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư, Nhật Bản đưa hàng vạn lưu học sinh đến Trung Quốc học tập... Thời ấy người nước ngoài đến Trung Quốc, người Trung Quốc chúng ta không phản đối. Vì là thời đại cực thịnh của văn minh Trung Quốc, trên dưới đều hiểu rằng mở cửa có lợi chứ không có hại"⁽¹⁵⁾. Tôn Trung Sơn coi mở cửa là một tiêu chí của một nhà nước dân tộc văn minh phát đạt. Đây là một kiến giải rất xác đáng. Năm 1919, Tôn Trung Sơn đã đề ra "Kế hoạch thực nghiệp", đó là một phương án kiến thiết hùng vĩ, với nội dung phong phú, biện pháp cụ thể, quan hệ đến quốc kế dân sinh, hầu như bao quát tất cả mọi lĩnh vực. Ông chủ trương mở cửa và phát triển công thương nghiệp với điều kiện bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đây được coi là hạt nhân của cận đại hoá, khi ông lớn tiếng kêu gọi: "Then chốt sự tồn vong của Trung Quốc từ nay về sau chính là công cuộc phát triển công thương nghiệp"⁽¹⁶⁾.

Thứ ba là, phê phán chủ nghĩa chuyên chế văn hóa, đề xướng tự do tư tưởng, đẩy mạnh giải phóng tư tưởng con người.

Tăng cường chuyên chế thống trị, tất nhiên sẽ dẫn đến tăng cường chuyên chế về văn hóa và tư tưởng. Trung Quốc từ sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước đã "đốt sách, chôn học trò, mở đầu một tiền lệ tàn ác. Đến thời Hán Vũ Đế, tiếp nhận kiến nghị của Đổng Trọng Thư, "Phế bỏ bách gia, độc tôn Nho thuật", từ đó xác lập địa vị thống trị của tư tưởng Nho gia. Từ đó về sau các đời đua nhau làm theo, càng ngày càng bảo thủ. Đến đời Thanh đã xảy ra vụ án văn tự rất lớn, liên lụy tới rất nhiều người, họ bị khép vào hình phạt cực kỳ tàn khốc, khiến người đời vô cùng phẫn nộ⁽¹⁷⁾. Chủ nghĩa chuyên chế văn hóa đã đạt tới đỉnh điểm. Tôn Trung Sơn chỉ rõ: "Tính ác của chủ nghĩa chuyên chế văn hóa đời Thanh đã bành trướng, giam cầm tư tưởng con người, vùi dập nhân tài, nuôi dưỡng tập tính sùng bái mù quáng và tâm lý sống tạm bợ của nhân dân trong nước"⁽¹⁸⁾. Ông lại nói: "Đời Mãn Thanh đã hội tập các lệnh cấm nghiêm ngặt, văn tự thành trọng án, nói riêng với nhau phải phối thây giữa chợ, còn tự do hội họp, tự do xuất bản, tự do tư tưởng của dân đều bị tước đoạt hết, việc ấy đã kéo dài suốt hơn hai trăm sáu mươi năm. Chúng tộc chưa tuyệt tự cũng còn là may đấy, chứ làm sao kỳ vọng đoàn kết lòng người, phát huy sức mạnh hợp quần được!"⁽¹⁹⁾. Bởi thế ngu muội vô tri là kẻ thù lớn của công cuộc xây dựng kinh tế, thúc đẩy giải phóng tư tưởng là khâu then chốt của việc thực hiện cận đại hóa. Ông hiệu triệu nhân dân toàn

quốc đứng lên hành động, dũng cảm phá toang thiên la địa võng của chủ nghĩa chuyên chế văn hóa, hy vọng có thể khắc phục được tệ đoan "lòng người ly tán, sức dân rã rời".

Cách mạng Tân Hợi (1911) thành công đã lật đổ nền thống trị Mãn Thanh, kết thúc chế độ quân chủ chuyên chế từng tồn tại hơn 2000 năm ở Trung Quốc. Nỗ lực phi thường trong việc phê phán chế độ này của Tôn Trung Sơn trên cả hai bình diện lý luận và thực tiễn, cuối cùng đã trở thành hiện thực. Kể từ đó cho tới khi qua đời (1925), bất chấp những éo le của lịch sử, Tôn Trung Sơn một mặt ra sức bảo vệ những thành quả của cuộc cách mạng này; mặt khác đã dồn tâm lực cho việc phát triển và hoàn thiện Chủ nghĩa Tam dân - cương lĩnh cận đại hóa Trung Quốc, nhằm thực hiện hoài bão trong suốt cuộc đời mình là đưa đất nước Trung Hoa trở thành một quốc gia độc lập - tự do - văn minh và giàu mạnh.

Lịch sử đã chứng tỏ, mỗi thời đại đều có những vấn đề riêng. Việc giải quyết những vấn đề này sẽ thúc đẩy nhân loại tiến lên phía trước. Trong thế giới cận đại, con đường chính trị cần phải hướng tới trong tiến trình cận đại hóa ở mỗi quốc gia chính là con đường xây dựng một nhà nước dân tộc. Xây dựng nhà nước dân tộc là vấn đề thời đại chung mà các quốc gia phải giải quyết trong tiến trình cận đại hóa. Lenin từng nhận định: "Trên toàn thế giới, thời đại CNTB chiến thắng triệt để chủ nghĩa phong kiến chính là thời đại có mối liên hệ khăng khít với phong trào dân tộc"; "Xây dựng nhà nước dân tộc có thể thỏa mãn đầy đủ nhất những yêu cầu của CNTB

hiện đại, đó là xu thế chung của tất cả các phong trào dân tộc"⁽²⁰⁾.

Trung Quốc cận đại bước vào tiến trình cận đại hóa trong hoàn cảnh bị trói buộc bởi các điều ước bất bình đẳng, nhiệm vụ cận đại hóa của nhân dân Trung Quốc - do đó - đã phải tiến hành song song với quá trình nửa thuộc địa hóa, do các thế lực đế quốc chủ trương. Chính là trong bối cảnh lịch sử đó, Tôn Trung Sơn đã quyết định từ bỏ sự nghiệp trị bệnh cứu người (Y nhân) để bước trên con đường cách mạng (Y quốc), xây dựng một nhà nước dân tộc độc lập. *Chủ nghĩa dân tộc* là bộ phận đầu tiên được phát triển trong Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Lúc đầu, cương lĩnh chủ yếu của chủ nghĩa dân tộc là "Khu trừ Thát Lỗ, khôi phục Trung Hoa" (Loại bỏ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa). Cương lĩnh này, tuy có nhiệm vụ lịch sử nổi bật là vấn đề "phản Mãn", nhưng nội dung căn bản của nó vẫn là ở việc xây dựng một "nhà nước dân tộc". "Chủ nghĩa dân tộc trong Chủ nghĩa Tam dân của chúng ta có mục đích giành sự bình đẳng giữa người Trung Quốc với người nước ngoài, chứ quyết không phải làm nô lệ cho người nước ngoài". "Chỉ có lật đổ chính phủ bán nước cũ, xây dựng chính phủ mới để cứu quốc, chúng ta mới có thể kiến tạo được nước Trung Quốc mới"⁽²¹⁾.

Trong một thời gian dài trước đây, khi nghiên cứu chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn và các đảng viên Trung Quốc Đồng minh hội trong Cách mạng Tân Hợi, trên vấn đề "phản Mãn", các học giả đặc biệt chú ý và có khá nhiều ý kiến chỉ trích. Quả thật, khi tuyên truyền chủ nghĩa dân tộc, Tôn Trung Sơn và các

đồng chí của ông đã không ít lần dùng những lời lẽ quá khích, như chẳng hạn họ thường dùng từ "Dị tộc" để chỉ người Mãn. Song, cũng phải nhận thấy một thực tế là, đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nền thống trị Mãn Thanh không chỉ là lạc hậu và hủ bại, mà hơn thế đã từ rất lâu, tộc Mãn giành lấy đặc quyền trên các lĩnh vực chính trị - quân sự - kinh tế, biểu hiện ở chế độ "Thế tập quân chủ", "Trấn giữ các tỉnh thành", "Không chuyên chú phát triển kinh tế mà chỉ biết hưởng dụng". Bản thân chính quyền phong kiến này - như vậy - đã mang sắc thái chủ nghĩa chủng tộc. Hơn nữa, tinh thần "phản Mãn" lại có xuất phát điểm từ những yêu cầu chủ yếu đương thời, đó là những vấn đề bình đẳng, cộng hòa, cứu vong...

Sau cách mạng Tháng Mười và phong trào "Ngũ Tứ", trào lưu lịch sử ở Trung Quốc và trên thế giới đã phát sinh những biến động to lớn. Chủ động hấp thu những nhân tố mới của thời đại, Tôn Trung Sơn đã điều chỉnh, sửa chữa lại một số quan điểm có phần hẹp hòi, thiên lệch của mình trong quá khứ trên vấn đề chủ nghĩa dân tộc. Trên cơ sở chủ trương "Ngũ tộc bình đẳng" (Sự bình đẳng giữa 5 dân tộc lớn Hán - Mãn - Mông - Hồi - Tạng), "Ngũ tộc nhất gia", "Ngũ tộc cộng hòa"⁽²²⁾ được hình thành sau Cách mạng Tân Hợi, ông đã đề xuất một chủ nghĩa mới về dân tộc Trung Hoa. Theo Tôn Trung Sơn, giống như nước Mỹ đã kết hợp nhiều dân tộc lại để trở thành "một dân tộc Mỹ" thì "Trung Quốc cũng cần dung hợp tất cả các dân tộc trong nước để trở thành một dân tộc Trung Hoa duy nhất", khiến Trung Hoa dân quốc có địa vị độc lập, tự do trên thế giới. Trong

cương lĩnh của Quốc dân đảng do ông đề ra, chủ nghĩa dân tộc đã có nội dung chủ yếu là "Trừ bỏ ách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc", và "phản đối chủ nghĩa đế quốc", đồng thời, Tôn Trung Sơn cũng nhiều lần chỉ ra việc "Phế bỏ luật trị ngoại pháp quyền và thu hồi chủ quyền quan thuế" là "vấn đề tất yếu, bức thiết phải giải quyết".

Tiến trình cận đại hóa đòi hỏi sự động viên xã hội rộng rãi, chủ yếu bao gồm sự tham dự của quảng đại quần chúng trên lĩnh vực chính trị và kinh tế. Chỉ có trong điều kiện dân chủ, việc động viên xã hội mới được người dân tự giác hưởng ứng, mới có hiệu quả. Vì thế, dân chủ hóa thường được coi là nội dung trọng tâm của thể chế chính trị cận đại hóa. Theo Tôn Trung Sơn, "Trong một nước, hạnh phúc của mọi người dân đều phải dựa vào, và đều có thể quy vào vấn đề chính trị. Nếu nền chính trị không trong sáng, thì vô luận là vấn đề gì của quốc gia cũng không thể giải quyết"⁽²³⁾. Khi lãnh đạo cuộc cách mạng nhằm lật đổ nền thống trị hủ bại triều Thanh, ông luôn nhấn mạnh: "*Chủ nghĩa dân quyền* là căn bản của cách mạng chính trị", cách mạng chính trị tất phải "tiến hành đồng thời với cách mạng dân tộc", "Kết quả của cách mạng chính trị là xây dựng thành công chính thể dân chủ lập hiến"⁽²⁴⁾. Ông chỉ ra: "Thời đại dân quyền hiện nay chính là thời đại lấy nhân dân làm động lực". "Dân quốc phải lấy dân làm chủ, nếu không, sẽ chẳng thể đua tranh cùng thế giới". "Đòi hỏi Trung Quốc tiến bộ, không có lực lượng quần chúng là không thể". "Chính thể cộng hòa lấy giáo dục làm nền tảng"; "Chú trọng bồi dưỡng, vun đắp năng lực cho

quốc dân"; "Giáo dục, bồi dưỡng để người dân có thói quen tham gia chính trị". "Nhân dân - đó là căn bản của 3 chủ nghĩa lớn"; "Trung Hoa dân quốc, đó là nước của nhân dân vậy", "Chủ quyền thuộc về toàn thể quốc dân", "Bách quan trong nước đều là công bộc của nhân dân", "đều phục vụ nhân dân"⁽²⁵⁾. Có thể nói, Tôn Trung Sơn đã trở thành nhà tư tưởng dân chủ duy nhất trong lịch sử Trung Quốc mà xuyên suốt toàn bộ chủ trương tư tưởng của ông luôn hiển hiện chỉ một chữ "Dân", với rất nhiều cạnh khía khác nhau.

Tôn Trung Sơn là người nhiệt tâm hướng tới nền văn minh phương Tây, song ông luôn chủ trương rằng việc học tập, mô phỏng nước ngoài cần xuất phát từ lịch sử Trung Quốc và tình hình cụ thể của Trung Quốc, phản đối việc "sao chép nguyên xi", "người ta nói sao làm vậy, học mà không quan sát tìm hiểu", phản đối tâm lý "coi Âu - Mỹ là hoàn thiện, hoàn mỹ". Khi trình bày chủ trương cách mạng của mình, ông cũng thường kết hợp việc "Quan sát trào lưu thế giới bên ngoài" với việc "Xem xét tình thế bên trong của Trung Quốc" để luận bàn. Ông nhận thức sâu sắc rằng: "Trung Quốc vốn là nước chuyên chế lâu đời, thuần túy trị người bằng vũ lực", vì thế cần phải coi hiến pháp là "Cơ sở lập quốc"⁽²⁶⁾. Vì những nguyên nhân trên, Tôn Trung Sơn đã chế định ra "Hiến pháp ngũ quyền", nhằm trừ bỏ tận gốc chính thể chuyên chế phong kiến từng tồn tại trên 2000 năm ở Trung Quốc, xây dựng nên Cộng hòa Dân chủ.

Chủ nghĩa Dân quyền của Tôn Trung Sơn lấy lý luận "Tam quyền phân lập" của Montesquieu (1689-1755) làm hình

mẫu chủ yếu. Tuy nhiên, sau khi khảo sát những hạn chế của lý luận này trong thực tiễn xã hội các nước Âu – Mỹ, lại kết hợp với việc phân tích hiệu quả và tác dụng của chế độ khảo thí và chế độ giám sát cổ đại Trung Quốc, Tôn Trung Sơn đã sáng tạo ra học thuyết “Ngũ quyền phân lập”. Theo đó, chính phủ sẽ có năm quyền là: Hiến pháp, tư pháp, lập pháp, khảo thí và giám sát, với năm cơ quan độc lập để cấu thành chính phủ Ngũ quyền phân lập. Theo Tôn Trung Sơn, mô hình chính phủ này đã “tập hợp tinh hoa trong và ngoài nước, đề phòng mọi sai sót, sử dụng quyền hành pháp, lập pháp, tư pháp của nước ngoài, thêm vào đó là quyền giám sát và quyền khảo thí của Trung Quốc... Chính phủ như vậy là chính phủ hoàn chỉnh nhất, lương thiện nhất trên thế giới”. Tương ứng với năm quyền của chính phủ, Tôn Trung Sơn đề xuất bốn quyền lớn của dân (Tứ đại dân quyền), chủ trương “dân quyền trực tiếp”, nhằm phát huy tư tưởng “Chủ quyền là ở người dân”. Thông qua bốn quyền lớn này, nhân dân có thể tuyển cử hay bãi miễn quan chức chính phủ, chế định, bổ sung hay thêm bớt luật pháp quốc gia, thực hiện “Chính trị toàn dân”⁽²⁷⁾.

Có thể nói, sau cách mạng Tháng Mười và phong trào Ngũ Tứ, chủ nghĩa dân quyền của Tôn Trung Sơn đã có bước phát triển nhảy vọt. Trên cơ sở nhận thức sâu sắc hơn nền chính trị dân chủ cận đại phương Tây, Tôn Trung Sơn đã dùng quan điểm duy vật phê phán Jean Jacques Rousseau (1712-1778) khi ông ta quan niệm tự do, bình đẳng là “quyền lợi thiên phú” của con người. Tôn Trung Sơn chỉ ra một cách chính xác rằng: “Chính là quy luật tiến hóa trong lịch sử đã chứng tỏ rằng, dân quyền

chẳng phải là do trời sinh mà do thời thế và trào lưu lịch sử tạo ra”. Ông còn nhấn mạnh, con người “tự nhiên” có những khác biệt chứ không thể giống nhau, như nhau. Bởi thế, “khi chúng ta nói đến bình đẳng dân quyền chính là nói đến sự bình đẳng của người dân trên phương diện chính trị”⁽²⁸⁾. Muốn vậy, theo Tôn Trung Sơn, Trung Quốc chỉ cần thực hiện “Dân quyền trực tiếp” thì “có thể tạo dựng được một nước cộng hòa hoàn toàn mới trên trái đất này”. Những ý kiến trên của Tôn Trung Sơn đã phản ánh tâm trạng nghi ngờ, thờ ơ của ông đối với chính thể theo chế độ đại nghị phương Tây, đồng thời cũng thể hiện ước vọng hướng tới một chính thể dân chủ kiểu mới, chứng tỏ chủ nghĩa dân quyền của ông đã có những bước phát triển cùng thời đại.

Cuộc cách mạng dân chủ do Tôn Trung Sơn lãnh đạo phát sinh trong thời đại CNTB trên thế giới đã bước sang chủ nghĩa đế quốc lũng đoạn. Ở Tây Âu – Bắc Mỹ, nhiều tệ đoan trong xã hội tư bản đã bộc lộ, với những vấn đề ngày càng nghiêm trọng. Là nhà cách mạng chuyên nghiệp có ý thức thời đại mãnh liệt, đồng thời với niềm phấn chấn nghênh đón trào lưu TBCN, Tôn Trung Sơn cũng lại giật mình khi cảm thấy những hậu họa khôn lường sẽ có thể xảy ra đối với đồng bào của mình, trong buổi đầu Trung Quốc hòa nhập thị trường thế giới. Chính điều này đã khiến những chủ trương phát triển nền kinh tế xã hội cận đại của ông có những đặc sắc riêng, được tập trung thể hiện trong *Chủ nghĩa dân sinh* – cương lĩnh cách mạng xã hội do ông khởi xướng. Tuy tư tưởng của chủ nghĩa dân sinh có một quá trình phát

triển, nhưng mục đích trước sau của nó vẫn là, *một mặt* vừa phải “Chấn hưng thực nghiệp”, tức phải phát triển rộng rãi các ngành công thương nghiệp; *mặt khác* lại vừa phải “Đề phòng những tai họa khi nó chưa xảy ra” (Phòng hoạn vu mạt nhiên), tức phải phòng ngừa những tệ đoan của CNTB. Một mô hình kiến thiết xã hội vừa phải “phát triển”, lại vừa phải “phòng ngừa” như vậy xem ra như đã mang một khối mâu thuẫn. Song thực tế, đó lại là kết luận được rút ra từ quá trình nghiên cứu kỹ càng, tở mĩ của Tôn Trung Sơn đối với nhu cầu phát triển bền vững, lâu dài ở Trung Quốc.

“Chấn hưng thực nghiệp” là nội dung kinh tế chủ yếu để chấn hưng Trung Quốc. Đó là sự phát triển và thăng hoa của tư tưởng tự cường kinh tế “Dĩ thương vi chiến” (Coi sự phát triển kinh tế như cuộc chiến) và “Định vi công quốc” (Phấn đấu trở thành nước công nghiệp)... từ nửa sau thế kỷ XIX; đặc biệt đó cũng là tiếng nói chung của giai cấp tư sản và các giai tầng yêu nước ở Trung Quốc đầu thế kỷ XX. Theo Tôn Trung Sơn: “Không chấn hưng thực nghiệp thì không thể thoát khỏi nghèo đói”. Công nghiệp phát triển sẽ dẫn đến sự thay đổi trong kết cấu thành thị và nông thôn, xuất hiện đô thị hóa. Khi Tôn Trung Sơn nhay bén dự báo: “Sau 50 năm nữa, Trung Quốc cần xây dựng mấy chục thành phố như Thượng Hải”⁽²⁹⁾, ông đã biểu thị hy vọng tràn trề đối với triển vọng công nghiệp hóa và thành thị hóa ở Trung Quốc.

Thị trường chính là một trường học lớn về chủ nghĩa dân tộc của giai cấp tư sản. Trong nhiều đặc sắc của tư tưởng

“Chấn hưng thực nghiệp” của Tôn Trung Sơn, có lẽ đặc sắc nổi bật nhất chính là ý thức mãnh liệt về thị trường, đặc biệt là ý thức về thị trường thế giới trong điều kiện phải ra sức duy trì chủ quyền, thực hành chủ nghĩa khai phóng, thu hút rộng rãi đầu tư nước ngoài, nhằm thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế Trung Quốc. Sau khi thành lập Trung Hoa dân quốc, Tôn Trung Sơn đã lập tức đề xuất việc cần phải phát triển 200.000 km đường sắt, tiếp đó lại có kế hoạch xây dựng 3 hải cảng lớn, chứng tỏ ông đặc biệt chú trọng đến giao thông, bao gồm cả việc xây dựng các thương cảng ven biển, với dụng ý thúc đẩy nhanh tốc độ khai thác và phát triển thị trường trong, ngoài nước.

Khi bàn về chủ nghĩa dân sinh với tư cách là cuộc cách mạng xã hội, Tôn Trung Sơn thường nhấn mạnh hai vấn đề là “Bình quân địa quyền” và “Tiết chế tư bản”. Vấn đề bình quân địa quyền được ông nêu lên tương đối sớm, ngay từ năm 1903, và cũng đã được giới học thuật nghiên cứu khá nhiều. Riêng vấn đề “Tiết chế tư bản”, Tôn Trung Sơn cũng đã ấp ủ từ lâu, dường như đồng thời với “Bình quân địa quyền”, vì vấn đề này cũng có hàm nghĩa tiết chế tư bản. Song, với tư cách là một khái niệm học thuật, thì đến năm 1912, cụm từ “Tiết chế tư bản” mới được sử dụng. Vào cuối năm này, tại Hàng Châu, Tôn Trung Sơn đã nói: “Bốn cương lĩnh lớn để thực thi chủ nghĩa dân sinh là: Tiết chế tư bản, bình quân địa quyền, quốc hữu đường sắt, phổ cập giáo dục. Đó là con đường chủ yếu cải cách xã hội, nâng cao đời sống nhân dân”⁽³⁰⁾. Thái độ căn bản của Tôn Trung Sơn đối với vấn đề tư bản

là “một mặt thì phấn đấu vì một quốc gia giàu mạnh, mặt khác lại phải phòng ngừa những tệ nạn của các nhà tư bản lũng đoạn”; để thực hiện, biện pháp được ông nêu lên là: “Sử dụng chính sách của nhà nước xã hội chủ nghĩa”⁽³¹⁾. Sau này, ông nhiều lần nói rõ: “Tiết chế tư bản”, chủ yếu là tiết chế những xí nghiệp có tính chất độc chiếm, như “Ngân hàng, đường sắt, vận tải thủy thì nhà nước phải đứng ra kinh doanh, quản lý”. Ngoài ra, “các ngành công thương nghiệp khác đều sẽ xây dựng bằng vốn của tư bản tư nhân, sau khi đã kinh doanh đủ một số năm nhất định thì quy về quốc hữu”. Tôn Trung Sơn còn chỉ ra rằng “vấn đề không đơn thuần chỉ là tiết chế tư bản tư nhân mà cần phải phát triển tư bản nhà nước, tức phải dùng sức mạnh của nhà nước để chấn hưng công nghiệp”.

Năm 1924, trong một lần diễn giảng về chủ nghĩa dân sinh, ông nói: “Chủ nghĩa dân sinh chính là chủ nghĩa xã hội, cũng chính là chủ nghĩa cộng sản, chẳng qua là mỗi chủ nghĩa có biện pháp khác nhau mà thôi”. Cụ thể hơn, ông nói: “Theo con đường phát đạt tư bản của nước Mỹ thì thứ nhất là đường sắt, thứ hai là công nghiệp, thứ ba là khoáng sản. Muốn phát đạt ba ngành thực nghiệp lớn này, chúng ta đều chưa thể làm được nếu căn cứ vào tiền vốn, học vấn và kinh nghiệm hiện có của Trung Quốc; vậy thì không thể không dựa vào tư bản của nước ngoài. Chúng ta cần phải dùng vốn của nước ngoài để tạo lập thế giới cộng sản ở Trung Quốc trong tương lai. Làm được như vậy, tức là bỏ ít công sức mà hoàn thành được nghiệp lớn vậy”⁽³²⁾.

Tóm lại, tư tưởng cận đại hóa qua chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn là tư

tưởng cận đại hóa đặc sắc nhất, hoàn chỉnh nhất, lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc, là tài sản vô cùng quý giá của nhân dân Trung Quốc. Nội dung tư tưởng của ông biểu hiện một tư duy phức hợp, sâu sắc và cao xa, thấm đượm lý tính về một quốc gia cận đại, trên tinh thần dung hợp văn hóa và ý thức dự báo xã hội. Bởi vậy, tư tưởng Tôn Trung Sơn vẫn mãi là tấm gương sáng trong lịch sử cận – hiện đại hóa Trung Quốc, và chính vì thế, nó luôn đem lại cho hậu thế những suy nghĩ, liên tưởng mang hơi thở thời đại.

CHÚ THÍCH:

(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (11) (12) (13) (14) (15) (16) (18) (19) (22) (23) (24) (26) (28) (29) (31) (32) *Tôn Trung Sơn tuyển tập*, Thượng Hải nhân dân xuất bản xã, 1981, các trang 96, 150, 152, 156, 460, 170, 50, 35, 161, 70, 71, 75, 76, 115, 45, 350, 512, 213, 106, 72, 784, 101, 624, 95, 98, 636.

(17) *Trung Quốc lịch sử tam bách đề*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1989, tr.421.

(20) *Lênin tuyển tập, quyển II*, Nhân dân xuất bản xã, 1972, tr.508.

(21) Trung Nam, Vương Nhãn Chi: *Tân Hợi cách mạng tiền thập niên gian thời luận tuyển tập*, Tam Liên thư điểm, 1960, tr.592.

(25) *Tôn Trung Sơn tập ngoại tập*, Thượng Hải nhân dân xuất bản xã, 1995, tr.76.

(27) Xem thêm: *Cách mạng Tân Hợi - 90 năm sau nhìn lại (1911-2001)*, Nxb Khoa học xã hội, H.2002, tr.112-113.

(30) Trần Húc Lộ, Hách Thịnh Triều chủ biên: *Tôn Trung Sơn tập ngoại tập*, Thượng Hải nhân dân xuất bản xã, 1990, tr.73.